

Số: 25 /2021/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 21 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 3143/TTr-SCT ngày 30 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy chế phối hợp quản lý



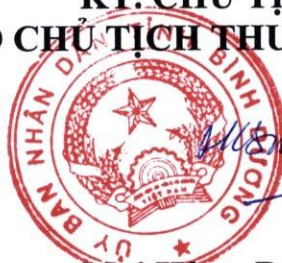
cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định này./. *U*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- TT.TU, TT.HĐND, ĐDBQH tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT;
- LĐVP, Tr, TH;
- TT.CB, Website tỉnh;
- Lưu: VT. *g*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Mai Hùng Dũng

QUY CHẾ

Quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương
(Kèm theo Quyết định số 25 /2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, phương thức, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và các đơn vị có liên quan trong việc thực hiện quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Các nội dung về công tác quản lý nhà nước có liên quan đến cụm công nghiệp chưa quy định trong Quy chế này, được thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến quản lý, hoạt động của cụm công nghiệp.

Điều 3. Nguyên tắc và phương thức phối hợp

1. Nguyên tắc phối hợp

a) Thực hiện cơ chế quản lý một đầu mối, tránh chồng chéo, gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp.

b) Các cơ quan quản lý chuyên ngành, địa phương phối hợp với đơn vị chủ trì để thực hiện các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, đồng thời chịu trách nhiệm về nội dung, tiến độ thực hiện nội dung phối hợp.

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp và các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp phải chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật; đồng thời tuân thủ thực hiện theo nguyên tắc quản lý nhà nước về cụm công nghiệp theo Quy chế này.

d) Công tác thanh tra đối với các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp thực hiện quy định pháp luật về thanh tra và các Văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Phương thức phối hợp

a) Đơn vị chủ trì

- Tùy theo tính chất, nội dung công việc cần phối hợp, đơn vị chủ trì quyết định áp dụng một trong các phương thức sau đây: Phát hành văn bản, gửi hồ sơ đề nghị cơ quan, đơn vị phối hợp tham gia ý kiến; tổ chức cuộc họp tập trung; thành lập đoàn kiểm tra, thanh tra, rà soát liên ngành gồm thành viên của các cơ quan liên quan để triển khai nội dung công việc theo kế hoạch được duyệt; tổ chức gặp gỡ, đối thoại với các doanh nghiệp trong các cụm công nghiệp để trao đổi, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ở các lĩnh vực có liên quan như: đầu tư, sản xuất kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, lao động, môi trường và các vấn đề liên quan khác.

- Sau khi triển khai lấy ý kiến phối hợp, tổng hợp xử lý, có kết luận liên quan đến cụm công nghiệp, đến các tổ chức, cá nhân liên quan; cơ quan chủ trì có trách nhiệm gửi Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có cụm công nghiệp, mỗi cơ quan 01 (một) bản để cập nhật thông tin, phối hợp quản lý; những nội dung do Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì cũng được thực hiện tương tự đối với các cơ quan, đơn vị phối hợp khác.

b) Đơn vị phối hợp

- Có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời gian quy định khi đơn vị chủ trì phát hành văn bản, gửi hồ sơ đề nghị cơ quan, đơn vị phối hợp tham gia ý kiến. Sau thời gian quy định, đơn vị được lấy ý kiến không gửi văn bản trả lời đến đơn vị chủ trì thì được xem là đồng ý với nội dung hồ sơ và phải chịu trách nhiệm nội dung công việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong trường hợp không thể tham gia cuộc họp do đơn vị chủ trì tổ chức. Khi đơn vị phối hợp không tham dự họp và không có văn bản tham gia về nội dung phối hợp liên quan thì chấp hành nội dung kết luận của cuộc họp.

- Có trách nhiệm cử thành viên tham gia đoàn kiểm tra, thanh tra, rà soát liên ngành hoặc gặp gỡ, đối thoại với các chủ đầu tư hoặc doanh nghiệp trong các cụm công nghiệp để trao đổi, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc khi cơ quan chủ trì có yêu cầu.

Chương II

NỘI DUNG QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 4. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp

1. Nội dung thực hiện

a) Xây dựng, trình và tổ chức thực hiện Phương án phát triển cụm công nghiệp, quy định, quy chế, các chính sách, chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Hỗ trợ hoạt động phát triển cụm công nghiệp

- Ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí hoạt động phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tính theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 68/2017/NĐ-CP), gồm:

+ Điều tra, xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu; tổ chức hội nghị, hội thảo, phối hợp xúc tiến đầu tư; thông tin tuyên truyền, in ấn, xuất bản tài liệu; tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, pháp luật, chính sách về cụm công nghiệp;

+ Khảo sát, đánh giá, xây dựng chính sách, mô hình quản lý, kinh nghiệm phát triển cụm công nghiệp ở trong và ngoài nước;

+ Tổ chức hoạt động xúc tiến đầu tư; điều tra, khảo sát các tổ chức, cá nhân có nhu cầu di dời, đầu tư vào cụm công nghiệp; lập, thẩm định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; lập quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp; hỗ trợ thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến cụm công nghiệp;

+ Hỗ trợ kinh phí lập dự án đầu tư cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường hoặc nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trong làng nghề, khu dân cư di dời vào trong cụm công nghiệp.

- Kinh phí hoạt động phát triển cụm công nghiệp là nguồn kinh phí sự nghiệp; được quản lý, sử dụng theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

2. Đơn vị thực hiện

a) Đơn vị chủ trì

- Sở Công Thương chủ trì đề xuất cơ quan có thẩm quyền phê duyệt các nội dung, dự toán kinh phí và tổ chức thực hiện các hoạt động phát triển cụm công nghiệp hằng năm trên địa bàn cấp tỉnh.

- Phòng Kinh tế cấp huyện chủ trì, đề xuất cơ quan có thẩm quyền phê duyệt các nội dung, dự toán kinh phí và tổ chức thực hiện các hoạt động phát triển cụm công nghiệp hằng năm trên địa bàn cấp huyện.

b) Đơn vị phối hợp

- Các Sở, Ngành, đơn vị, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương xây dựng và triển khai thực hiện nhiệm vụ được quy định tại khoản 1 Điều này theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

- Các Phòng, Ban chuyên môn và đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm phối hợp với Phòng Kinh tế cấp huyện xây dựng và triển khai thực hiện nhiệm vụ được quy định tại khoản 1 Điều này theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

Điều 5. Xây dựng phương án phát triển cụm công nghiệp

1. Nội dung thực hiện: xây dựng, tích hợp Phương án phát triển cụm công nghiệp theo quy định của Luật Quy hoạch và Khoản 3, 4 Điều 1 Nghị định 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 66/2020/NĐ-CP).

2. Đơn vị thực hiện

a) Đơn vị chủ trì: Sở Công Thương chủ trì xây dựng, hoàn thành Phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh lấy ý kiến thỏa thuận Bộ Công Thương, làm cơ sở tích hợp vào Quy hoạch tỉnh.

b) Đơn vị phối hợp: Các Sở, Ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 6. Điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp

1. Nội dung thực hiện: Xây dựng, tích hợp điều chỉnh Phương án phát triển cụm công nghiệp theo quy định Luật Quy hoạch và Khoản 5, 6 và 7 Điều 1 Nghị định 66/2020/NĐ-CP.

2. Đơn vị thực hiện

a) Đơn vị chủ trì

- Trên cơ sở đề xuất điều chỉnh Phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành và đơn vị liên quan thẩm định (tổ chức Đoàn khảo sát thực tế trong trường hợp cần thiết), hoàn thành báo cáo điều chỉnh Phương án phát triển cụm công nghiệp.

- Đối với nội dung thay đổi về tên gọi, vị trí, diện tích, ngành nghề hoạt động, tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và các nội dung khác về cụm công nghiệp không làm thay đổi mục tiêu, tính chất, tăng diện tích sử dụng đất của Phương án phát triển cụm công nghiệp trong Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt hoặc quỹ đất dành cho phát triển các cụm công nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Sở Công Thương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Công Thương thống nhất để thực hiện và cập nhật, thể hiện trong quy hoạch tỉnh những nội dung thay đổi để báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại kỳ lập, phê duyệt Quy hoạch tỉnh.

b) Đơn vị phối hợp: Các Sở, Ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 7. Lập hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Nội dung thực hiện: Hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

2. Đơn vị thực hiện

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp có Đơn đăng ký làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp kèm theo Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo Mẫu 2.2 và Mẫu 2.3, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện Nghị định 68/2017/NĐ-CP và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư số 28/2020/TT-BCT).

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo Mẫu 2.1, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BCT.

Điều 8. Tiếp nhận và thông báo thời gian lập hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Ngay sau khi nhận được văn bản đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp của doanh nghiệp, hợp tác xã và đơn vị được giao nhiệm vụ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải đăng tải thông tin về việc tiếp nhận trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

2. Thời gian lập hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp là 05 ngày làm việc theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP, tính từ ngày đầu tiên các thông tin về việc tiếp nhận Văn bản đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp của doanh nghiệp, hợp tác xã được đăng tải.

Điều 9. Lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Được thực hiện trong giai đoạn thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; bằng phương pháp chấm điểm, theo các tiêu chí quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Đối với trường hợp thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nếu có): việc lựa chọn chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định pháp luật về đất đai và pháp luật về đầu tư.

3. Đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo hình thức đối tác công tư (sau đây gọi tắt là dự án PPP): Việc lựa chọn chủ đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Thời gian lựa chọn chủ đầu tư theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này không tính vào thời gian thẩm định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

Điều 10. Thẩm định và trình phê duyệt thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Nội dung thực hiện: theo quy định tại Điều 10, 11, 12, 13, 14 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Khoản 8, 9 Điều 1 Nghị định 66/2020/NĐ-CP. Đối với trường hợp việc lựa chọn chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 9 Quy chế này, việc

thành lập, mở rộng cụm công nghiệp được thực hiện trên cơ sở kế thừa kết quả lựa chọn chủ đầu tư do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đơn vị chủ trì tổ chức thẩm định, báo cáo thành lập, mở rộng cụm công nghiệp: Sở Công Thương

a) Chủ trì phối hợp với địa phương và các đơn vị có liên quan lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp đối với trường hợp được quy định tại Khoản 1 Điều 9 Quy chế này.

b) Kiểm tra tính hợp lệ, thẩm định thành phần hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

c) Gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các Sở ngành, địa phương, đơn vị có liên quan. Trong trường hợp cần thiết, Sở Công Thương tổ chức Đoàn thẩm định thực tế tại vị trí dự án đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, để làm rõ thêm một số nội dung theo hồ sơ đã gửi của chủ đầu tư trước khi thực hiện Báo cáo thẩm định.

d) Trên cơ sở ý kiến thẩm định của các Sở ngành, đơn vị có liên quan và kết quả đi thẩm định thực tế (nếu có), hoàn thành báo cáo thẩm định, lập Tờ trình phê duyệt kèm theo dự thảo Quyết định về việc thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lấy ý kiến thỏa thuận của Bộ Công Thương đối với trường hợp cụm công nghiệp thành lập, mở rộng có điều chỉnh diện tích lớn hơn 05 ha so với Phương án phát triển cụm công nghiệp nằm trong Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

3. Đơn vị phối hợp

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Có ý kiến về sự phù hợp với Quy hoạch tỉnh và các vấn đề liên quan đến công tác tham mưu chấp thuận chủ trương đầu tư cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án cụm công nghiệp sau khi cấp thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường

- Thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các dự án thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định pháp luật về đất đai.

- Đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt đối với phần diện tích dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp; phối hợp các sở, ban, ngành xác định dự án có thuộc trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

- Ý kiến về việc thực hiện thủ tục môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp và các nội dung khác liên quan như: thẩm định, đánh giá

hiện trạng môi trường, công tác quản lý môi trường, khả năng tiếp nhận chất thải xung quanh khu vực dự kiến thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; dự báo những nguồn thải, tác động môi trường của các ngành, nghề dự kiến thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp và phương án quản lý môi trường.

- Ý kiến về các quy hoạch khác có liên quan đến quản lý nhà nước lĩnh vực tài nguyên và môi trường như: sự phù hợp với việc khai thác sử dụng nguồn nước (nước mặt, nước máy tập trung và nước dưới đất), sự phù hợp của dự án với hành lang bảo vệ nguồn nước, các nội dung khác có liên quan theo quy định pháp luật hiện hành.

c) Sở Xây dựng

- Thẩm định sự phù hợp của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp với quy hoạch xây dựng: nêu cụ thể diện tích và xác định vị trí phân đất phù hợp và phân đất không phù hợp trong phạm vi quy hoạch (nếu có) trên sơ đồ kèm theo hồ sơ Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

- Đánh giá tổng mức đầu tư xây dựng của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định.

- Đánh giá phương án đầu tư xây dựng hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ cấu sử dụng đất, đánh giá khả năng đấu nối hạ tầng kỹ thuật bên trong và ngoài cụm công nghiệp, kế hoạch, tiến độ triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

- Ý kiến về các nội dung khác có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về xây dựng.

d) Sở Giao thông Vận tải

- Đánh giá sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch, kế hoạch phát triển giao thông vận tải.

- Có ý kiến đối với báo cáo đánh giá tác động giao thông của dự án cụm công nghiệp.

- Có ý kiến đối với các nội dung khác liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành.

đ) Sở Tài chính

- Đánh giá năng lực tài chính của nhà đầu tư.

- Có ý kiến đối với trường hợp dự án có liên quan đến tài sản công hoặc đất công theo quy định về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định có liên quan.

e) Sở Thông tin và Truyền thông: Tham gia ý kiến về hạ tầng kỹ thuật hệ thống thông tin truyền thông, khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật ngoài cụm công nghiệp.

g) Công an tỉnh: Có ý kiến về địa điểm thực hiện dự án có thuộc các khu vực nhạy cảm, địa bàn chiến lược về quốc phòng, an ninh theo quy định pháp luật và đánh giá tác động của dự án đối với tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa bàn khu vực dự án.

h) Cục Thuế tỉnh: Thực hiện kiểm tra, xác định, giải quyết các ưu đãi miễn giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuê sử dụng đất; ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, cơ sở pháp lý của ưu đãi, đối tượng và điều kiện được hưởng ưu đãi (nếu có).

i) Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh: Có ý kiến về lĩnh vực quốc phòng tại phạm vi triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

k) Các Sở chuyên ngành và các đơn vị khác có liên quan: Có trách nhiệm phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

l) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp lập hồ sơ và có Tờ trình về việc thành lập, mở rộng cụm công nghiệp gửi Sở Công Thương thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định, trong đó tập trung đánh giá các nội dung như sau:

- Sự cần thiết thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; tác động hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đối với địa phương.

- Đánh giá các nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 8 Điều 1 Nghị định 66/2020/NĐ-CP.

- Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp với Phương án quy hoạch huyện (bao gồm quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quốc phòng và các nội dung khác có liên quan); đánh giá mức độ phù hợp với kết cấu hạ tầng kỹ thuật và khả năng đáp ứng hạ tầng xã hội của địa phương khi dự án đi vào hoạt động, bao gồm nội dung đánh giá về việc kết nối giao thông của dự án với hệ thống giao thông chung của khu vực, mức độ ảnh hưởng của việc triển khai dự án đối với các tuyến đường trong ranh dự án (nếu có) và phương án thay thế.

- Đánh giá về khả năng đáp ứng quỹ đất phát triển cụm công nghiệp của địa phương, hiện trạng sử dụng đất trong phạm vi quy hoạch của dự án; khả năng thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (thống kê số trường hợp bị ảnh hưởng, tài sản trên đất khu vực triển khai dự án) và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Xác định tổng diện tích đất dự kiến thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp, trong đó: xác định nguồn gốc đất và rà soát cụ thể từng thửa đất trong hồ sơ địa chính, xác định diện tích đất có nguồn gốc do Nhà nước quản lý, diện tích đất lúa, đất rừng trong ranh dự án (nếu có) và tác động ảnh hưởng của việc chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng theo quy định.

- Đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư (nếu có).

Điều 11. Điều chỉnh thành lập cụm công nghiệp

1. Điều chỉnh thành lập cụm công nghiệp: Trong quá trình triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện thủ tục điều chỉnh thành lập, mở rộng cụm công nghiệp đối với trường hợp việc điều chỉnh làm thay đổi nội dung quyết định thành lập, mở rộng cụm

công nghiệp. Trên cơ sở nội dung điều chỉnh, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành thẩm định nội dung điều chỉnh theo quy định pháp luật về quản lý phát triển cụm công nghiệp, pháp luật về đầu tư và các quy định khác có liên quan.

2. Lựa chọn chủ đầu tư khác: Trong quá trình triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, nếu chủ đầu tư không thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật sau 12 tháng kể từ ngày thành lập, mở rộng cụm công nghiệp hoặc ngừng thực hiện, chậm triển khai dự án 12 tháng so với tiến độ tại quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp thì Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét gia hạn hoặc quyết định lựa chọn chủ đầu tư khác. Việc lựa chọn nhà đầu tư khác được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 12. Quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp.

1. Nội dung thực hiện: Việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định về quy hoạch chi tiết khu chức năng tại Luật Xây dựng; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Đơn vị thực hiện

a) Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp tổ chức lập quy hoạch chi tiết khu vực được giao đầu tư.

b) Đơn vị chủ trì thẩm định: Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện.

c) Đơn vị phối hợp thẩm định

- Sở Công Thương: Tham gia ý kiến về mục tiêu, tính chất quy hoạch cụm công nghiệp, sự phù hợp với phương án phát triển cụm công nghiệp, sự phù hợp với báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Đánh giá sự phù hợp, khả năng đáp ứng của hạ tầng bảo vệ môi trường đối với ngành nghề hoạt động của cụm công nghiệp và nguồn tiếp nhận chất thải đảm bảo các quy định pháp luật về môi trường,...

- Sở Giao thông vận tải: Có ý kiến chấp thuận phương án thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối; có ý kiến đối với báo cáo đánh giá tác động giao thông của dự án (trong trường hợp dự án chưa được đánh giá ở bước thành lập cụm công nghiệp hoặc cần đánh giá lại khi có sự thay đổi về phương án tổ chức giao thông, quy mô cụm,...); cấp phép thi công công trình

thiết yếu trong hành lang đường bộ, đấu nối hạ tầng giao thông của cụm công nghiệp vào các tuyến đường tỉnh (đường ĐT); Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thỏa thuận Bộ Giao thông vận tải đấu nối hạ tầng giao thông cụm công nghiệp vào các tuyến đường Quốc lộ; Thẩm định an toàn giao thông hệ thống hạ tầng giao thông cụm công nghiệp sau thiết kế cơ sở và trước khi nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

- Công an tỉnh: Tham gia ý kiến về các giải pháp phòng cháy và chữa cháy (địa điểm xây dựng công trình, cụm công trình; hệ thống giao thông cho xe chữa cháy; nguồn nước chữa cháy; bố trí địa điểm xây dựng doanh trại cho đơn vị Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy;...).

- Các sở, ngành, địa phương liên quan có trách nhiệm phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 13. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp

1. Nội dung thực hiện: Nội dung lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. (Nội dung dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phù hợp với nội dung Báo cáo đầu tư, mở rộng cụm công nghiệp, quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt).

2. Đơn vị thực hiện

a) Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp lập hồ sơ đề nghị phê duyệt dự án đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp.

b) Đơn vị chủ trì thẩm định: Sở Xây dựng.

c) Đơn vị phối hợp thẩm định: Các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan có trách nhiệm phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 14. Lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp Giấy phép môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Nội dung thực hiện: Nội dung lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp Giấy phép môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

2. Đơn vị thực hiện

a) Trong quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án thì Chủ đầu tư phải đồng thời thực hiện Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện đúng các nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê

duyet; kinh phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường được bố trí từ nguồn vốn đầu tư của dự án.

b) Đơn vị chủ trì thẩm định: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thực hiện hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

c) Đơn vị phối hợp thẩm định: Các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan có trách nhiệm phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 15. Thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư cụm công nghiệp

1. Nội dung thực hiện: Thực hiện theo quy định pháp luật về đất đai và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Đơn vị thực hiện

a) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp

Đăng ký nhu cầu sử dụng đất xây dựng cụm công nghiệp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án đầu tư xây dựng cụm công nghiệp để đưa vào Kế hoạch sử dụng đất hàng năm, làm cơ sở thực hiện thu hồi đất theo quy định.

b) Nộp hồ sơ xin thuê đất tại Sở Tài nguyên và Môi trường: trình tự, thủ tục giao đất hoặc thuê đất thực hiện theo quy định của Luật Đất đai và các quy định pháp luật có liên quan.

c) Đơn vị chủ trì thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng

Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất thu hồi để xây dựng cụm công nghiệp chủ trì, tổ chức thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, đảm bảo theo tiến độ đầu tư xây dựng cụm công nghiệp đã được phê duyệt tại Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

d) Đơn vị phối hợp giải quyết nội dung liên quan công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng

- Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng: có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện việc thu hồi đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật.

- Các Sở, Ngành và đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

Điều 16. Lập, thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy

1. Nội dung thực hiện

a) Công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp khi xây dựng mới, cải tạo phải thiết kế đảm bảo an toàn phòng cháy và chữa cháy và phải do đơn vị có đủ điều kiện tư vấn thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy thiết kế.

b) Thiết kế và thẩm duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy được thực hiện đối với hồ sơ thiết kế quy hoạch tỷ lệ 1/500 và thiết kế bản vẽ thi công của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

c) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, trước khi đưa vào sử dụng phải được nghiệm thu theo hồ sơ thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đã được cơ quan Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có thẩm quyền thẩm duyệt.

2. Đơn vị thực hiện

a) Chủ đầu tư dự án

- Lập dự án thiết kế và trình hồ sơ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy cho cơ quan Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có thẩm quyền.

- Tổ chức nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo hồ sơ thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đã được cơ quan Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có thẩm quyền thẩm duyệt, trước khi đưa công trình hạ tầng cụm công nghiệp đi vào hoạt động.

- Chấp hành các quy định pháp luật khác có liên quan về phòng cháy và chữa cháy.

b) Đơn vị chủ trì thẩm duyệt hồ sơ: Cơ quan Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có thẩm quyền thực hiện hướng dẫn lập, thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; tổ chức nghiệm thu công trình và thực hiện các quy định khác về kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

c) Đơn vị phối hợp thẩm duyệt hồ sơ: Các Sở, Ngành và đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

Điều 17. Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Nội dung thực hiện: Nội dung, thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Đơn vị thực hiện

a) Chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn có năng lực theo quy định pháp luật hiện hành lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

b) Đơn vị chủ trì thẩm định: Sở Xây dựng.

c) Đơn vị phối hợp thẩm định: Các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan có trách nhiệm phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 18. Nghiệm thu công trình xây hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Nội dung thực hiện: Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm

thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Đơn vị thực hiện

a) Chủ đầu tư dự án lập báo cáo thông tin công trình, báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình về cơ quan chuyên môn về xây dựng để kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định pháp luật hiện hành.

b) Đơn vị chủ trì kiểm tra công tác nghiệm thu: Sở Xây dựng.

c) Đơn vị phối hợp kiểm tra công tác nghiệm thu: Các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan có trách nhiệm phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 19. Tiếp nhận và thực hiện dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp

1. Tiếp nhận dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

2. Thực hiện thủ tục cấp Quyết định chủ trương đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp thực hiện theo Luật Đầu tư ngày 17/6/2020 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này.

3. Thuê đất trong cụm công nghiệp: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

4. Lập hồ sơ môi trường, giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về môi trường.

5. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trong cụm công nghiệp: Thực hiện theo quy định pháp luật về xây dựng.

6. Lập, thẩm duyệt, thiết kế, nghiệm thu công trình phòng cháy chữa cháy trong cụm công nghiệp: Được thực hiện theo quy định pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

7. Cấp giấy phép xây dựng công trình trong cụm công nghiệp: Thủ tục cấp phép thực hiện theo quy định pháp luật về xây dựng.

8. Sau khi được cấp giấy phép xây dựng công trình trong cụm công nghiệp, nhà đầu tư thứ cấp tổ chức thi công xây dựng công trình trong cụm, nghiệm thu và sở hữu công trình trong cụm công nghiệp.

9. Trách nhiệm của chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

a) Đầu tư xây dựng, đảm bảo tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (bao gồm các công trình hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định); đề xuất cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án huy động vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy định (đối với chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện).

b) Xây dựng Quy chế cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp trước khi tiếp nhận dự án thứ cấp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

c) Quản lý, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, duy tu bảo dưỡng và đảm bảo hoạt động thường xuyên của hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung và tổ chức cung cấp các dịch vụ, tiện ích trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

d) Xúc tiến đầu tư, hướng dẫn thủ tục triển khai các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất di dời vào cụm công nghiệp; hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp.

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác do cơ quan có thẩm quyền giao và theo quy định của pháp luật.

e) Phân khu chức năng, các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải tuân thủ các chỉ tiêu kiến trúc quy hoạch và các chỉ tiêu môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng và môi trường.

g) Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ về yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cụm công nghiệp theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành.

h) Nhà đầu tư có trách nhiệm liên hệ Sở Kế hoạch và Đầu tư ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư.

10. Trách nhiệm của các cơ sở sản xuất trong cụm công nghiệp

a) Thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý về đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp và báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ theo quy định.

b) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh, đầu tư, tài chính, kế toán, kiểm toán, thống kê, bảo hiểm, lao động, quy định về an toàn công nghiệp, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ, an ninh trật tự và quy định về điều kiện kinh doanh khác.

c) Ký và thực hiện biên bản, hợp đồng thỏa thuận với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp về đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp.

d) Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và Quy chế cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp. Thông báo cho chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường, đồng thời thông báo cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp khi xảy ra sự cố môi trường và thực hiện việc ứng phó, khắc phục sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

đ) Chịu trách nhiệm thỏa thuận với chủ đầu tư các dự án sản xuất, kinh doanh hiện hữu trong cụm công nghiệp về việc thực hiện đấu nối sử dụng hạ

tầng cụm công nghiệp, trả chi phí sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ công cộng và các dịch vụ khác tương ứng với mức độ sử dụng theo thỏa thuận giữa hai bên, phù hợp với Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích và quy định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

11. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

a) Sở Công Thương

- Chủ trì thanh tra, kiểm tra, đánh giá thực hiện quy hoạch, chính sách, pháp luật, hiệu quả hoạt động của cụm công nghiệp; xử lý hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý vi phạm, vấn đề phát sinh về cụm công nghiệp.

- Là cơ quan đầu mối tiếp nhận, giải quyết hoặc phối hợp, đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các thủ tục đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; đề xuất khen thưởng hoặc xử lý vi phạm (nếu có), tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xem xét, xử lý trách nhiệm theo quy định pháp luật.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Chịu trách nhiệm quản lý đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp trên địa bàn, hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong việc giải quyết các thủ tục hành chính đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp; đề xuất khen thưởng hoặc xử lý vi phạm (nếu có); phê duyệt, thực hiện kế hoạch di dời doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và hoạt động phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn.

- Thanh tra, kiểm tra, đánh giá việc chấp hành pháp luật, chính sách về cụm công nghiệp theo thẩm quyền; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Công Thương về tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn.

c) Phòng Kinh tế cấp huyện: Là đơn vị đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn việc tiếp nhận và thực hiện dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp, đề xuất khen thưởng hoặc xử lý vi phạm (nếu có); thực hiện kế hoạch di dời doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và hoạt động phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn.

12. Các Sở, Ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 20. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích

1. Các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp được quy định tại Khoản 1 Điều 19 Nghị định 68/2017/NĐ-CP.

Giá sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích được xác định trên nguyên tắc thỏa thuận thông qua hợp đồng ký kết giữa tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ và chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Trường hợp không thỏa thuận được, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp định giá cho thuê, cho thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các loại phí sử dụng hạ tầng liên quan khác theo quy định của pháp luật và thông báo với Ủy ban

nhân dân cấp huyện (địa bàn triển khai dự án) và Sở Công Thương về khung giá và các loại phí. Việc thông báo khung giá và phí thực hiện định kỳ 6 tháng hoặc trong trường hợp có sự điều chỉnh khác so với khung giá đã thông báo.

3. Việc giải quyết các khiếu nại, tranh chấp phát sinh trong quản lý, cung cấp, sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp được quy định của pháp luật.

Điều 21. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác thông tin báo cáo

1. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp, các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp và Phòng Kinh tế cấp huyện có trách nhiệm báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 28/2020/TT-BCT gửi Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp, các tổ chức, cá nhân đầu tư kinh doanh trong cụm công nghiệp phải thực hiện Báo cáo giám sát đánh giá đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư và tổng hợp, báo cáo công tác bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, các cơ sở trong cụm công nghiệp theo quy định pháp luật về môi trường gửi Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Sở Công Thương: Định kỳ trước ngày 30 tháng 6 hàng năm và ngày 31 tháng 12 hàng năm, báo cáo tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh tại các cụm công nghiệp trên địa bàn trong 6 tháng và cả năm theo Biểu số 1.4 Phụ lục I Thông tư số 28/2020/TT-BCT, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục Công Thương địa phương.

4. Các đối tượng thực hiện chế độ báo cáo định kỳ bằng văn bản và thông qua cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp (nếu có). Ngoài ra, các đối tượng thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 22. Công tác thanh tra, kiểm tra

1. Các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định của Luật Thanh tra và quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

2. Khi doanh nghiệp trong các cụm công nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc khi có sự cố về môi trường, lao động, y tế, cháy nổ xảy ra thì cơ quan quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định thanh tra, kiểm tra đột xuất đối với doanh nghiệp; kết thúc các cuộc thanh tra, kiểm tra cơ quan chủ trì phải kịp thời báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra về Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời thông báo cho Sở Công Thương và các cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan để phối hợp đôn đốc doanh nghiệp thực hiện.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân có thành tích tốt trong việc tổ chức thực hiện Quy chế này sẽ được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét khen thưởng theo quy định.
2. Các tập thể, cá nhân vi phạm Quy chế này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Công Thương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các Sở, Ngành và cơ quan liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh cần phải sửa đổi, bổ sung, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở chuyên ngành, địa phương liên quan, thống nhất đề xuất tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.
2. Các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện Quy chế này theo chức năng, nhiệm vụ được phân công. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Định kỳ hàng năm các Sở, Ngành và các cơ quan liên quan thực hiện công tác quản lý nhà nước tại các Cụm công nghiệp có trách nhiệm tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Quy chế này và gửi về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương theo quy định./.